

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch phát triển Danh mục nhóm sản phẩm, dịch vụ
chứng nhận Nhãn xanh Việt Nam giai đoạn 2012-2016**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 2 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 03 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 253/QĐ-BTNMT ngày 05 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Chương trình cấp nhãn sinh thái;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch phát triển Danh mục nhóm sản phẩm, dịch vụ chứng nhận Nhãn xanh Việt Nam giai đoạn 2012-2016 với những nội dung sau:

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

- Góp phần cải thiện và bảo vệ môi trường thông qua đẩy mạnh triển khai công nghệ xanh, thân thiện với môi trường trong sử dụng các nguồn nguyên liệu tự nhiên, đẩy mạnh tiêu dùng bền vững.

- Từng bước hội nhập Mạng lưới nhãn sinh thái toàn cầu nhằm tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam trên thị trường quốc tế và thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm Việt Nam sang các thị trường có yêu cầu khắt khe về bảo vệ môi trường.

b) Mục tiêu cụ thể

- Tăng số lượng nhóm sản phẩm đã có tiêu chí Nhãn xanh Việt Nam được ban hành từ 03 (năm 2011) lên 28 nhóm sản phẩm (năm 2016) thuộc 13 dòng sản phẩm.

- Nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho doanh nghiệp và người tiêu dùng.

- Nâng cao số lượng các doanh nghiệp, sản phẩm được cấp Nhãn xanh Việt Nam thông qua đẩy mạnh các hoạt động quảng bá, tổ chức đánh giá và cấp Nhãn xanh Việt Nam.

2. Kế hoạch thực hiện

a) Danh mục nhóm sản phẩm, dịch vụ chứng nhận Nhãn xanh Việt Nam giai đoạn 2012-2016

| Thời gian xây dựng và ban hành tiêu chí | Dòng sản phẩm | Số lượng nhóm sản phẩm |
|--|--------------------------------|--|
| 2012 | Bao bì | 1 nhóm (Bao bì giấy tổng hợp dùng đóng gói thực phẩm) |
| | Vật liệu xây dựng | 1 nhóm (Vật liệu lợp, ốp, lát thuộc vật liệu gốm xây dựng) |
| | Chất tẩy rửa | 3 nhóm (Dầu gội đầu và dầu xả; Nước rửa bát bằng tay; Xà phòng bánh) |
| | Văn phòng phẩm | 1 nhóm (Giấy sử dụng trong văn phòng) |
| | Pin, ắc quy | 1 nhóm (Ắc quy) |
| 2013 | Sơn và vécni | 1 nhóm (Sơn tường nội thất) |
| | Thiết bị văn phòng | 2 nhóm (Máy tính xách tay; Máy in laser) |
| | Mực in | 1 nhóm (Mực in laser) |
| 2014 | Chất tẩy rửa | 2 nhóm (Nước cọ rửa nhà vệ sinh; Nước lau sàn nhà gia đình) |
| | Mực in | 1 nhóm (Mực in cho máy photocopy) |
| | Đồ nội thất gia đình | 1 nhóm (Đồ gỗ nội thất) |
| | Thiết bị văn phòng | 1 nhóm (Máy tính để bàn) |
| | Pin, ắc quy | 1 nhóm (Pin tiêu chuẩn) |
| 2015 | Đồ gia dụng | 3 nhóm (Máy giặt; Tủ lạnh; Tivi) |
| | Nông sản | 3 nhóm (Cà phê; Rau quả; Chè) |
| 2016 | Đồ dùng cho trẻ em | 2 nhóm (Đồ chơi trẻ em bằng nhựa; Đồ chơi trẻ em bằng gỗ) |
| | Phương tiện, vật tư giao thông | 1 nhóm (Săm, lốp; Xe đạp) |
| | Đồ nội thất gia đình | 1 nhóm (Thảm trải sàn) |

b) Tổ chức xây dựng và ban hành các tiêu chí Nhãn xanh Việt Nam cho các nhóm sản phẩm, dịch vụ thuộc Danh mục theo tiến độ nêu tại điểm a, khoản 2 Điều này.

c) Tổ chức các hoạt động truyền thông, quảng bá và giới thiệu về chương trình Nhãn xanh Việt Nam cho các doanh nghiệp; tổ chức cấp nhãn cho các sản phẩm đã có tiêu chí được ban hành.

d) Tổ chức các hoạt động truyền thông, quảng bá và giới thiệu về chương trình Nhãn xanh Việt Nam cho người tiêu dùng, tăng tỷ lệ tiêu dùng các sản phẩm được cấp Nhãn xanh Việt Nam.

3. Tổ chức thực hiện

a) Tổng cục Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, cơ quan chuyên ngành thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, khảo sát và xây dựng tiêu chí Nhãn xanh Việt Nam cho các nhóm sản phẩm, dịch vụ nêu tại điểm a, khoản 2 Điều này.

- Trình Bộ trưởng xem xét, ban hành các tiêu chí Nhãn xanh Việt Nam cho các nhóm sản phẩm, dịch vụ nêu tại điểm a, khoản 2 Điều này.

- Tổ chức theo dõi, đánh giá định kỳ việc triển khai thực hiện Kế hoạch; đề xuất việc điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, thực trạng sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của cả nước đối với các nhóm sản phẩm, dịch vụ nêu tại điểm a, khoản 2 Điều này.

- Huy động các hiệp hội ngành nghề, các tổ chức nghiên cứu khoa học liên quan đóng góp ý kiến, tư vấn chuyên môn trong các hoạt động nghiên cứu, khảo sát, xây dựng các tiêu chí Nhãn xanh Việt Nam cho các nhóm sản phẩm, dịch vụ nêu tại điểm a, khoản 2 Điều này.

- Triển khai các hoạt động truyền thông về tiêu chí Nhãn xanh Việt Nam và các sản phẩm đã được chứng nhận Nhãn xanh Việt Nam.

- Hàng năm, căn cứ vào mục tiêu và kế hoạch thực hiện và nguồn ngân sách được phân bổ, Tổng cục Môi trường phối hợp với Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện Kế hoạch trên cơ sở thống nhất với Tổng cục Môi trường theo quy định hiện hành.

b) Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính: cân đối và bố trí kế hoạch kinh phí hàng năm để thực hiện Kế hoạch theo đúng tiến độ đã được phê duyệt.

c) Hội đồng tư vấn Chương trình cấp nhãn sinh thái: xem xét, thẩm định các dự thảo tiêu chí, tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành các tiêu chí Nhãn xanh Việt Nam cho các nhóm sản phẩm, dịch vụ nêu tại điểm a, khoản 2 Điều này.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: tuyên truyền cho người tiêu dùng và doanh nghiệp ở địa phương về Kế hoạch này; khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào chương trình Nhãn xanh

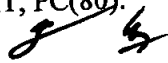
Việt Nam; khuyến khích tiêu dùng sản phẩm; dịch vụ được chứng nhận Nhãn xanh Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Nguyễn Minh Quang (để báo cáo);
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Lưu: VT, TCMT, PC(80).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Cách Tuyên